

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T; nơi ĐKKHKT: Số H, tổ Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Đội M, thôn H, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Đình C; nơi cư trú: Số H, tổ Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 04-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 31-01-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh C được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, chị sống không hợp với mẹ chồng, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra việc xúc phạm, cãi vã lẫn nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, huyện K để ở, khi đó chị đang mang thai được 03 tháng; trong thời gian sống ly thân, anh Chiến không

quan tâm, không có trách nhiệm gì đối với mẹ con chị. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Y, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2019. Chị nhận nuôi cháu Y và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ghi ngày 22-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Hoàng Đình C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị T về điều kiện hoàn cảnh kết hôn. Anh và chị T chung sống hòa thuận được khoảng thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị luôn bất đồng quan điểm, cách sống của chị T không phù hợp với gia đình anh; chị T và mẹ anh không hợp nhau, anh cho rằng chị T đã cư xử không đúng với mẹ anh nên chị T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ khoảng tháng 4/2018 đến nay. Nếu chị T không thể thay đổi tính cách của bản thân mình thì anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại các buổi hòa giải ngày 22-4-2019 và ngày 10-5-2019, anh có ý kiến: Do con chung của anh và chị T còn nhỏ nên anh không đồng ý việc chị T xin ly hôn, anh đề nghị xin được đoàn tụ với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung như chị T trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị T nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại các buổi hòa giải do Tòa án tiến hành, anh thay đổi xin được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, anh yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 chỉ vàng do chị T đang quản lý, anh đề nghị được hưởng $\frac{1}{2}$ theo giá trị bằng tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của anh Hoàng Đình C: Tại phiên tòa ngày 12-7-2019, anh C vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa, thông báo cho anh C biết về việc hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn là anh C cư trú tại: Số H, tổ Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[3] Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Hoàng Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 31-01-2018. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập, được xác định: Trong quá trình hôn nhân, chị T và anh C chung sống hòa thuận được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do phong cách sống của anh chị không còn phù hợp, luôn bất đồng về quan điểm sống cũng như cách cư xử trong gia đình không đúng mực dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên xúc phạm lẫn nhau. Gia đình hai bên của anh chị đã nhiều lần hòa giải và tìm cách khắc phục tình trạng hôn nhân cho anh chị nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết đề nghị được ly hôn với anh C.

[5] Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh C kể từ tháng 4 năm 2018 trở lại đây đã không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Y, sinh ngày 12-01-2019. Chị Trang nhận nuôi cháu Yến và không yêu cầu anh Chiến cấp dưỡng nuôi con; bản tự khai của anh C ghi ngày 22-3-2019, anh đồng ý để chị T nuôi con. Tuy nhiên, tại các buổi hòa giải ngày 22-4-2019 và ngày 10-5-2019, chị T và anh C đều nhận nuôi cháu Y và không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”, trong trường hợp này tính đến nay cháu Y chưa được 07 tháng tuổi và trên thực tế, trước khi sinh và sau khi sinh cháu đã ở cùng với chị T và ông bà ngoại của cháu đến nay vẫn ổn định. Vì vậy, cần giao phải cháu Y cho chị T nuôi dưỡng.

[7] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; nhưng sau khi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì anh C mới có yêu cầu chia 01 chỉ vàng với chị T. Việc anh C yêu cầu là sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của anh C trong vụ án này. Nếu anh C vẫn có yêu cầu chia tài sản thì anh C có quyền làm đơn khởi kiện giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh C có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn anh Hoàng Đình C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị Y, sinh ngày 12-01-2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét hoặc đến khi chị T và anh C có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006952 ngày 18-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Các đương sự;
- UBND phường H, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm